

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 29/2020/HSST**

**Ngày 19/5/2020**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường.**
- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Trần Đại Nghĩa**  
**2/ Bà Đặng Thị Thơm**
- Thư ký phiên tòa: **Ông Phạm Việt Dũng** là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/HSST ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020, Thông báo số 32/2020/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc thay đổi thời gian xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HS ngày 08/5/2020 đối với bị cáo:

**Ngô Thọ T (bị cáo khai tại phiên tòa bị cáo không có tên gọi khác)**, sinh năm 1992 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã Th, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tạm trú: ấp H, xã H1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô Thọ D, sinh năm: 1963 và bà Trần Thị S, sinh năm: 1963. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 06/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**1. Chị Phạm Thị Thùy Tr sinh năm: 1989**

Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố X, phường X1, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bà Phạm Thị R sinh năm: 1961**

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**3. Chị Nguyễn Thị S      sinh năm: 1971**

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**4. Bà Nguyễn Thị L      sinh năm: 1961**

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**5. Bà Nguyễn Thị Th      sinh năm: 1966**

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**6. Bà Nguyễn Thị L1      sinh năm: 1966**

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**7. Bà Bùi Thị T      sinh năm: 1954**

Nơi cư trú: Số nhà 630 tổ 19, ấp T, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**8. Chị Lê Thị Th1      sinh năm: 1971**

Nơi cư trú: Tổ 17, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**9. Chị Nguyễn Thị T1      sinh năm: 1975**

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**10. Chị Lê Thị L2      sinh năm: 1977**

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Tr, bà R, bà S, bà L, bà Th, bà L1, bà T, bà Th1, bà T1 và bà L2 vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Từ tháng 2/2018 bị cáo Ngô Thọ T đến thuê nhà và tạm trú tại ấp H, xã H1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với mục đích hoạt động kinh doanh cho vay lãi nặng để kiếm tiền sinh sống. Để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng bị cáo đã in tờ rơi với nội dung cho vay tiền trả góp cả gốc và lãi theo ngày, thủ tục nhanh gọn không cần thế chấp rồi đi rải ở những khu vực đông dân cư, chợ... tại các huyện Thống Nhất, Long Thành và Long Khánh, số tiền bị cáo cho vay nhỏ nhất là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và cao nhất là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trên lần vay.

Vào khoảng tháng 5/2018 bị cáo Ngô Thọ T cho bà Lê Thị Th1 trú tại thị trấn D, huyện Thống Nhất vay số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả cả gốc và lãi hàng ngày là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) trong vòng 24 ngày, bà Th1 đã trả cả gốc và lãi cho bị cáo được 20 ngày (tương đương 2.000.000 đồng) số còn lại là 4 ngày (tương đương 400.000 đồng) bà Th1 chưa hoàn trả cho bị cáo, nhiều lần bị cáo T tìm gặp bà Th1 hỏi tiền nhưng bà Th1 chưa trả xong, ngày 29/10/2019 bị cáo T đi xe mô tô 60B7-58351 đến khu vực chợ D tìm gặp bà Th1 hỏi số tiền 400.000 đồng. Tại đây hai bên xảy ra xô xát bị cáo dùng tay và nón bảo hiểm đánh vào mặt bà Th1 gây thương tích 1,5%. Bị cáo T được mời về Công an huyện Thống Nhất để làm rõ hành vi gây thương tích, tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận hành nghề cho vay lãi nặng để kiếm tiền sinh sống và kiểm tra điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone màu trắng bạc, số IMEI: 356769084029883, số sê ri: FD7VG1RBJCM3 trong đó lưu giữ các thông tin thể hiện việc cho vay tiền với lãi suất cao của bị cáo với các người vay tiền trên địa bàn huyện Thống Nhất, Long Thành và TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Về hành vi của bị cáo Ngô Thọ T dùng tay, nón bảo hiểm gây thương tích cho Lê Thị Th1 với tỷ lệ 1,5%, bà Th1 đã rút đơn yêu cầu khởi tố nên hành vi của bị cáo T chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích, cơ quan Điều tra đã xử lý hành chính đối với bị cáo.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo như sau:

Sau khi thuê nhà trọ và tạm trú tại ấp H, xã H1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Ngô Thọ T sử dụng số tiền 40.000.000 đồng để cho người khác vay với lãi suất cao. Sau khi cho vay, khoảng 16 giờ chiều hàng ngày, bị cáo hẹn địa điểm và sử dụng xe mô tô 60B8-583.51 để đi thu tiền đóng hàng ngày của người vay tiền. Quá trình điều tra xác định bị cáo T cho người dân vay tiền mức lãi suất 0,833%/ngày, tương đương 300%/năm, cao gấp 15,20 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể:

Nếu cho vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày bị cáo T thu của người vay 100.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Cho vay 2.000.000 đồng/24 ngày người vay phải trả tổng số tiền là 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000đ gốc và 400.000đ tiền lãi).

Nếu cho vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày bị cáo T thu của người vay 150.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Cho vay 3.000.000 đồng/24 ngày người vay phải trả tổng số tiền là 3.600.000 đồng (3.000.000đ tiền gốc và 600.000đ tiền lãi)

Tương tự tăng dần. Nếu cho vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày bị cáo T thu của người vay 500.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Cho vay 10.000.000 đồng/24 ngày người vay phải trả tổng số tiền là 12.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi)

Bị cáo Ngô Thọ T sử dụng điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone màu trắng bạc, số IMEI: 356769084029883, số sê ri: FD7VG1RBJCM3 của bị cáo để ghi lại tất cả những người vay tiền trong thư mục “ghi chú” để biết được số người vay, số tiền vay và sử dụng điện thoại hiệu Nokia màu đen, số Sê ri 1: 356004085642629, số sê ri 2: 356004085642637 sim số 0763.191.986 liên lạc và cũng phục vụ việc cho vay của mình.

Quá trình điều tra đã xác định từ tháng 01/2019 đến ngày 29/10/2019 bị cáo Ngô Thọ T đã cho 09 người vay với tổng số tiền là 585.000.000 đồng, bị cáo đã thu được số tiền gốc là 556.875.000 đồng, thu lợi tổng số tiền 110.875.000 đồng (trong đó số tiền lãi được phép là 7.323.282 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định là 103.551.718 đồng). Số người bị cáo T đã cho vay gồm: (Bút lục số 45-55)

1/ Chị Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ 5, khu phố X, phường X1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: Chị Tr đã vay của bị cáo T tất cả 28 lần với tổng số tiền vay là 240.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo T đã thu được là 48.000.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 3.156.164 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 44.843.836 đồng). Như vậy bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 44.843.836 đồng

Những khoản đang còn vay: Lần thứ nhất, vào ngày 09/10/2019 chị Tr vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả mỗi ngày 500.000 đồng trong vòng 24 ngày là đủ cả gốc và lãi (tổng số tiền là 12.000.000đ), đến ngày 27/10/2019 chị Tr đã trả được 14 ngày tương ứng với số tiền 7.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.833.333 đồng, tiền lãi 1.166.667 đồng). Đối với khoản vay này bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 1.089.955đ ngoài lãi suất theo quy định của Nhà nước.

Lần thứ hai: Vào ngày 19/10/2019 chị Tr vay số tiền 10.000.000 đồng, (hình thức vay như trên). Đến ngày 27/10/2019 chị Tr đã trả được 06 ngày tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.500.000 đồng, số tiền lãi là 500.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 467.123 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Lần thứ ba: Vào ngày 19/10/2019 chị Tr vay số tiền 5.000.000 đồng, (hình thức vay như trên). Đến ngày 27/10/2019 chị Tr đã trả được 06 ngày tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.250.000 đồng, số tiền lãi là 250.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 233.562 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền chị Phạm Thị Thùy Tr đã vay của bị cáo Ngô Thọ T với tổng số tiền là 265.000.000 đồng, đã trả gốc 249.583.333 đồng, bị cáo T thu lãi số tiền 49.916.667 đồng, (trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 3.282.191 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 46.634.476 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính là 46.634.476 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. *(Bút lục số 89-92, 151-155, 159-164).*

2/ Bà Phạm Thị R, sinh năm 1961, nơi cư trú: ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà R đã vay của bị cáo T số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị cáo thu lợi bất chính số tiền 934.247 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Những khoản đang còn vay: Vào ngày 12/10/ 2019, bà R đã vay số tiền 5.000.000 đồng, đã trả được 17 ngày, tương ứng số tiền 4.250.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 3.541.667 đồng, số tiền lãi là 708.333 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 661.758 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền bà Phạm Thị R đã vay của Ngô Thọ T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, đã trả gốc 8.541.667 đồng, lãi suất 1.708.333 đồng (trong đó tiền lãi được phép theo quy định là 112.328 đồng và số tiền, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 1.596.005 đồng). Bị cáo T thu lợi bất chính số tiền 1.596.005 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. *(Bút lục số 165-168)*

3/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971, nơi cư trú: ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà S vay của bị cáo T tất cả 20 lần với tổng số tiền vay là 62.000.000 đồng. Số tiền lãi bị cáo T đã thu được là 12.400.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 815.342 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 11.584.658 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 11.584.658 đồng

Những khoản đang còn vay: Ngày 17/9/2019 bà S vay số tiền 3.000.000 đồng, đã trả được 02 ngày tương ứng với số tiền 300.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 250.000 đồng, số tiền lãi là 50.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 46.712 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị S đã vay của bị cáo T là 65.000.000 đồng, đã trả gốc 62.250.000 đồng, bị cáo T thu lợi số tiền 12.450.000 đồng (trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 818.630 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 11.631.370 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính là 11.631.370 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. *(Bút lục số 95-97, 172-177).*

4/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, nơi cư trú: ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà L vay của bị cáo T tất cả 13 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi bị cáo T đã thu được là 6.00.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 394.520 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 5.605.480 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 5.605.480 đồng

Những khoản đang còn vay gồm: Ngày 16/10/2019 bà L vay với số tiền 3.000.000 đồng, đã trả được 12 ngày tương ứng với số tiền 1.800.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 1.500.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 280.274 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị L đã vay của bị cáo T là 33.000.000 đồng, đã trả gốc 31.500.000 đồng, bị cáo thu lợi số tiền 6.300.000 đồng (trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 414.246 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 5.885.754 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính là 5.885.754 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. *(Bút lục số 81-83, 181-185).*

5/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà Th vay của bị cáo T tất cả 18 lần với tổng số tiền vay là 61.000.000 đồng. Số tiền lãi bị cáo T đã thu được là 12.200.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 802.191 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 11.397.809 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 11.397.809 đồng

Những khoản đang còn vay gồm: Ngày 15/10/2019 bà Th vay của bị cáo T số tiền 3.000.000 đồng, đã trả được 13 ngày tương ứng với số tiền 1.950.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 1.625.000 đồng, số tiền lãi là 325.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 303.631 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Ngày 18/10/2019 bà Th vay của bị cáo số tiền 3.000.000 đồng, đã trả được 10 ngày tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 1.250.000 đồng, số tiền lãi là 250.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 233.562 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền bà Th vay là 67.000.000 đồng, đã trả gốc 63.875.000 đồng, bị cáo T thu lợi số tiền 12.775.000 đồng, tiền thu lãi được phép 839.998 đồng, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 11.935.002 đồng

Do đó, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Th đã vay của bị cáo T là 67.000.000 đồng, đã trả gốc 63.875.000 đồng, bị cáo T thu lợi số tiền 12.775.000 đồng (trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 839.998 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 11.935.002 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính là 11.935.002 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. *(Bút lục số 85-87, 189-194).*

6/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp H, xã H1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà L1 vay của bị cáo T tất cả 07 lần với tổng số tiền vay là 19.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo đã thu được là 3.800.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 249.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 3.550.137 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 3.550.137 đồng

Những khoản đang còn vay: Ngày 24/10/2019 bà L1 vay của bị cáo T số tiền 3.000.000 đồng, đã trả được 01 ngày tương ứng với số tiền 150.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 125.000 đồng, số tiền lãi là 25.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 23.356 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị L1 đã vay của bị cáo T là 22.000.000 đồng, đã trả gốc 19.125.000 đồng, bị cáo thu lợi số tiền 3.825.000 đồng (trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 251.507 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 3.573.493 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính là 3.573.493 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. *(Bút lục số 67-69, 198-202).*

7/ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1954, nơi cư trú: tại tổ 19, ấp T, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố T, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai)

Những khoản vay đã trả xong: Bà T vay của bị cáo T tất cả 18 lần với tổng số tiền vay là 87.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo T đã thu được là 17.400.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 1.144.109 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là

16.255.891 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 16.255.891 đồng

Những khoản đang còn vay gồm: Ngày 06/10/2019 vay số tiền 3.000.000 đồng, đã trả được 16 ngày tương ứng với số tiền 2.400.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng, số tiền lãi là 400.000 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 373.699 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền bà Bùi Thị T đã vay của bị cáo T là 90.000.000 đồng, đã trả gốc 89.000.000 đồng, bị cáo thu lợi số tiền 17.800.000 đồng (trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 1.170.410 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 16.629.590 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính là 16.629.590 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước. (*Bút lục số 74-76, 206-209, 213-218*).

8/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bà T1 đã vay của bị cáo T tất cả 06 lần với tổng số tiền vay là 22.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo đã thu được là 3.900.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 289.315 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 3.610.685 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 3.610.685 đồng (*Bút lục số 78-79, 219-220, 223-224*).

9/ Bà Lê Thị L2, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bà Lê Thị L2 đã vay của bị cáo T tất cả 03 lần với tổng số tiền vay là 11.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo đã thu được là 2.200.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 144.657 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 2.055.343 đồng). Bị cáo T đã thu lợi bất chính số tiền 2.055.343 đồng. (*Bút lục số 225-226*).

10/ Bà Lê Thị Th1, sinh năm trú tại thị trấn D, huyện Thống Nhất vay của T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), đã trả được 20 ngày tương ứng với số tiền 2.000.000đ (trong đó, số tiền gốc là 1.666.800đ, số tiền lãi là 333.200đ), số tiền bị cáo T đã thu lợi bất chính là 311.200đ.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS-TN ngày 13/3/2020 và Quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng số: 04/QĐ.VKS-TN ngày 28/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Ngô Thọ T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố bị cáo. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Từ những lập luận trên, áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Ngô Thọ T từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù

Đối với những người vay tiền như "chị H", "chị Th hg", "cô bán bò kho hg", "chị Y" với thủ đoạn tương tự như trên, tuy nhiên do những người này không có địa chỉ rõ ràng, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên cơ quan Điều tra không đủ cơ sở để xác định việc bị cáo T cho vay lãi nặng đối với các trường hợp trên, cơ quan Điều tra đã ra thông báo truy tìm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên tách ra xử lý sau.

Đối với hành vi bị cáo T đánh bà Lê Thị Th1 với tỷ lệ 1,5% bà thu đã rút đơn yêu cầu khởi tố nên hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích. Cơ quan điều

tra đã xử lý hành chính đối với bị cáo là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét xét, giải quyết.

Về các biện pháp tư pháp: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RSX, Biển số: 60B8-583.51, 01 giấy đăng ký mô tô biển số 60B8-583.51, 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 60B8-583.51; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, 01 ĐTDĐ hiệu Apple loại Iphone màu trắng bạc, số tiền 19.070.000đ (Mười chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng), 01 cuốn tập học sinh loại 200 trang, 01 sổ tay màu đen và số tiền 19.070.000đ. Đây là tài sản của bị cáo T, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã thu giữ cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là 01 cuốn tập học sinh loại 200 trang, 01 sổ tay màu đen ghi tên những người vay tiền là công cụ, phương tiện phạm tội, vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội được chuyển cùng hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định lưu hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 558.875.000đ (năm trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) bị cáo sử dụng cho vay (tiền gốc) đã thu được của người vay đây là phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi 7.345.282đ (bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng) tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền buộc bị cáo phải nộp tịch thu sung quỹ Nhà nước là 566.220.282đ (năm trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng).

Đối với số tiền lãi 103.862.918đ (một trăm lẻ ba triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm mười tám đồng) thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền gốc 28.125.000đ (hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) người vay đã vay chưa trả cho bị cáo đây là phương tiện phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

#### **Bị cáo nói lời sau cùng:**

Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô Thọ T đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 5/2018 đến ngày 29/10/2019 tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai bị cáo Ngô Thọ T đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự số tiền gốc là 587.000.000 đồng (năm trăm tám mươi bảy triệu đồng) đối với các hộ dân trên địa bàn huyện Thống Nhất, huyện Long Thành và thành phố Long Khánh với lãi suất gấp 15,20 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, thu lợi bất chính số tiền 103.862.918 đồng (một trăm lẻ ba triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm mười tám đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Ngô Thọ T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng để xem xét cho bị cáo.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức được hành vi của mình nhưng do lười lao động lại mong muốn có tiền tiêu xài, sử dụng nên đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất cao gấp 15,20 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để thu lợi bất chính số tiền 103.862.918đ (một trăm lẻ ba triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm mười tám đồng) thuộc trường hợp định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RSX, Biển số: 60B8-583.51, 01 giấy đăng ký mô tô biển số 60B8-583.51, 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 60B8-583.51; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone màu trắng bạc. Đây là tài sản của bị cáo T, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã thu giữ cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với vật chứng là 01 cuốn tập học sinh loại 200 trang, 01 sổ tay màu đen ghi tên những người vay tiền là công cụ, phương tiện phạm tội, vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội được chuyển cùng hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử quyết định lưu hồ sơ vụ án.

[6.3] Đối với số tiền 19.070.000đ (mười chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng) và 558.875.000 đồng (năm trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) bị cáo sử dụng cho vay (tiền gốc) đã thu được của bị cáo và những người vay đây là phương tiện phạm tội cùng khoản tiền lãi 7.345.282đ (bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng) tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách



Nhà nước. Tổng số tiền buộc bị cáo phải nộp tịch thu sung quỹ Nhà nước là 566.220.282đ (năm trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng).

[6.4] Đối với số tiền lãi 103.862.918đ (một trăm lẻ ba triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm mười tám đồng) thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền gốc 28.125.000đ (hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) người vay đã vay chưa trả cho bị cáo đây là phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

[6.4.1] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Phạm Thị Thùy Tr vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Tr số tiền 46.634.476đ (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng). Bà Tr phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.416.667đ (mười lăm triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

[6.4.2] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Phạm Thị R vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà R số tiền 1.596.005đ (một triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, không trăm lẻ năm đồng). Bà R phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.458.333đ (một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng).

[6.4.3] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị S vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà S số tiền 11.631.370đ (mười một triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, ba trăm bảy mươi đồng). Bà S phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.750.000đ (hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

[6.4.4] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị L vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà L số tiền 5.885.754đ (năm triệu, tám trăm, tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi bốn đồng). Bà L phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng).

[6.4.5] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Th vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Th số tiền 11.935.002đ (mười một triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm lẻ hai đồng). Bà Th phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.125.000đ (ba triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

[6.4.6] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị L1 vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà L1 số tiền 3.573.493đ (ba triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi ba đồng). Bà L1 phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.875.000đ (hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

[6.4.7] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Bùi Thị T vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 16.629.590đ (mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, năm trăm chín mươi đồng). Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

[6.4.8] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị T1 vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà T1 số tiền 3.610.685đ (ba triệu, sáu trăm mười ngàn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

[6.4.9] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Lê Thị L2 vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà L2 số tiền 2.055.343đ (hai triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng).

[6.4.10] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Lê Thị Th1 vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Th1 số tiền 311.200 đồng (ba trăm mười một ngàn, hai trăm đồng).

[7] Các vấn đề khác:

[7.1] Đối với một số người vay tiền như “chị H”, “chị Th h”, “cô bán bò kho h”, “chị Y” với thủ đoạn tương tự như trên, tuy nhiên do những người này không có địa chỉ rõ ràng, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên cơ quan Điều tra không đủ cơ sở để xác định việc bị cáo T cho vay lãi nặng đối với các trường hợp trên, cơ quan Điều tra đã ra thông báo truy tìm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên chưa có căn cứ xử lý, khi nào làm rõ xử lý sau.

[7.2] Đối với hành vi bị cáo T đánh bà Lê Thị Th1 với tỷ lệ 1,5% bà thu đã rút đơn yêu cầu khởi tố nên hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích. Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 201; khoản 1 Điều 46, Điều 47, 48; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Các Điều 117, 122, 123, 131, 407, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng *án phí* và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo **Ngô Thọ T** phạm tội “**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự**”. Xử phạt bị cáo **Ngô Thọ T 07 (bắt) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2019.

[2] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

[2.1] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RSX, Biển số: 60B8-583.51, 01 giấy đăng ký mô tô biển số 60B8-583.51, 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 60B8-583.51; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone màu trắng bạc (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

[2.2] Buộc bị cáo Ngô Thọ T phải nộp số tiền 566.220.282đ (năm trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 19.070.000đ (mười chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002349 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Bị cáo còn phải nộp số tiền là 547.150.282đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng).

[2.3] Lưu vào hồ sơ vụ án đối với vật chứng là 01 cuốn tập học sinh loại 200 trang, 01 sổ tay màu đen ghi tên những người vay tiền.

[2.4] Buộc bị cáo Ngô Thọ T phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền 103.862.918 đồng (một trăm lẻ ba triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm mười tám đồng). Cụ thể như sau:

[2.4.1] Bị cáo phải trả cho bà Phạm Thị Thùy Tr số tiền 46.634.476 đồng (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

[2.4.2] Bị cáo phải trả cho bà Phạm Thị R số tiền 1.596.005 đồng (một triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, không trăm lẻ năm đồng).

[2.4.3] Bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 11.631.370 đồng (mười một triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, ba trăm bảy mươi đồng).

[2.4.4] Bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.885.754 đồng (năm triệu, tám trăm, tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi bốn đồng).

[2.4.5] Bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 11.935.002 đồng (mười một triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm lẻ hai đồng).

[2.4.6] Bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 3.573.493 đồng (ba triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

[2.4.7] Bị cáo phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền 16.629.590 đồng (mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, năm trăm chín mươi đồng).

[2.4.8] Bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 3.610.685 đồng (ba triệu, sáu trăm mười ngàn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

[2.4.9] Bị cáo phải trả cho bà Lê Thị L1 số tiền 11.631.370 đồng (mười một triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, ba trăm bảy mươi đồng).

[2.4.10] Bị cáo phải trả cho bà Lê Thị Th1 số tiền 311.200 đồng (ba trăm mười một ngàn, hai trăm đồng).

[2.5] Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Ngô Thọ T để tích thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau: Buộc bà Phạm Thị Thùy Tr phải nộp số tiền 15.416.667 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng); bà Phạm Thị R phải nộp số tiền 1.458.333 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng); bà Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 2.750.000 đồng (hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng); bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng); bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 3.125.000 đồng (ba triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng); bà Nguyễn Thị L1 phải nộp số tiền 2.875.000 đồng (hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) và bà Bùi Thị T phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[2.6] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Ngô Thọ T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.193.000đ (năm triệu, một trăm chín mươi ba ngàn đồng) (103.862.918đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND h. Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**Vũ Mạnh Cường**